

A 1001 CN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 58 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quyết định 62/2013/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3606/ SNN-KHTC ngày 20/10/2014, về việc đề nghị ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì:

- Phối hợp các Sở, ban, ngành, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị có liên quan công bố, triển khai thực hiện nội dung Quyết định này theo quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa phòng theo dõi việc tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

- Các Sở ngành được phân công trách nhiệm tại Điều 21, Quy định này phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện và gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung.

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo định kỳ hàng quý, năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
 - TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
 - TT.UBMTTQ tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
 - BCĐ XD&PTKTTT tỉnh;
 - BCĐ NNNDNT và XDNTM tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, KT, CNN.
- Th.cnn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí cánh đồng lớn; một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản thuộc các dự án cánh đồng lớn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nông dân: Bao gồm các hộ gia đình, cá nhân đang sản xuất nông nghiệp, chủ trang trại tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

2. Tổ chức đại diện của nông dân: Bao gồm các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

3. Doanh nghiệp (trong Quy định này): Bao gồm các doanh nghiệp trong nước thực hiện liên kết với nông dân, tổ chức đại diện của nông dân thông qua các hợp đồng cung cấp dịch vụ, vật tư đầu vào cho sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dự án cánh đồng lớn

Dự án cánh đồng lớn trong Quy định này là cách thức tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên địa bàn dự án; có quy mô diện tích lớn, tạo ra sản lượng nông sản hàng hoá tập trung, chất lượng

cao, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia.

2. Các hình thức hợp tác, liên kết

Các hình thức hợp tác, liên kết trong Quy định này bao gồm: Hợp tác liên kết giữa nông dân, các tổ chức đại diện của nông dân, doanh nghiệp với nhau được thực hiện bằng các hợp đồng, gắn sản xuất và cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thuộc các dự án cánh đồng lớn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ

1. Chỉ hỗ trợ ưu đãi cho các dự án đã được phê duyệt.

2. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3. Không được hỗ trợ trùng lặp trên cùng đối tượng, diện tích, nội dung được quy định hưởng một lần đối với chính sách có liên quan.

Điều 5. Tiêu chí cánh đồng lớn

1. Tiêu chí bắt buộc

a) Phù hợp với Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất.

c) Đáp ứng một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng theo Khoản 2, Điều 3 của Quy định này.

d) Quy mô diện tích của cánh đồng lớn

Quy mô diện tích tối thiểu của cánh đồng lớn theo từng nhóm cây trồng chính như sau:

+ Nhóm cây rau, hoa, cây dược liệu: 10 ha liền thửa;

+ Nhóm cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày (lúa, bắp, đậu, mì, mía,...): 50 ha liền thửa;

+ Nhóm cây ăn quả (xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, chuối, mít, thanh long,...); cây công nghiệp lâu năm (cà phê, điều, ca cao, cao su, mắc ca.....): 50 ha; riêng cây tiêu: 20 ha không nhất thiết phải liền thửa nhưng phải nằm trong cùng một vùng sản xuất chuyên canh tập trung;

2. Tiêu chí khuyến khích lựa chọn dự án

Trường hợp có nhiều dự án đảm bảo tiêu chí tại Khoản 1, Điều 5 của Quy

định này, ưu tiên dự án có:

a) Vùng sản xuất có hạ tầng kỹ thuật (thủy lợi, điện, giao thông nội đồng,...) đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa tập trung, thuận lợi cho sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

b) Quy mô diện tích lớn hơn, tập trung và áp dụng cơ giới hóa, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP... và có đại lý, cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Mục 1

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Điều 6. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp tham gia dự án cánh đồng lớn

1. Ưu đãi về đất đai

Được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa, nhà ở cho công nhân, văn phòng làm việc phục vụ cho dự án cánh đồng lớn;

2. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Được hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, tổ chức lớp học.

3. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng

Được hỗ trợ kinh phí thực hiện cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn, cụ thể:

- Cải tạo đồng ruộng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% chi phí cải tạo đồng ruộng nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/ha (hai triệu đồng) gồm: san phẳng mặt ruộng, cải tạo đất canh tác.

- Giao thông nội đồng

- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% giá trị dự toán xây lắp (đã có thuế VAT) đối với các dự án giao thông nội đồng có giá trị dự toán xây lắp được duyệt từ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến dưới 100.000.000 đồng (một trăm

triệu đồng) được thực hiện tại các dự án cánh đồng lớn thuộc các xã vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 40% giá trị dự toán xây lắp (đã có thuế VAT) đối với các dự án giao thông nội đồng có giá trị dự toán xây lắp được duyệt từ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) trở lên thực hiện tại các dự án cánh đồng lớn thuộc các xã còn lại và thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú, thị trấn Định Quán huyện Định Quán, thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc và thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cân đối hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện ít nhất 20% giá trị dự toán xây lắp (đã có thuế VAT) để đầu tư các dự án giao thông nội đồng cho các xã, thị trấn nêu trên.

- Hỗ trợ kinh phí tu sửa, nâng cấp kênh mương thủy lợi nội đồng:

+ Đối với xã đồng bằng: Hỗ trợ 60% kinh phí xây lắp.

+ Đối với xã miền núi: Hỗ trợ 70% kinh phí xây lắp.

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch cánh đồng lớn.

+ Điện Trung thế và trạm biến áp: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất của các doanh nghiệp vay vốn từ các ngân hàng thương mại để xây dựng hệ thống điện trung thế và trạm biến áp phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

+ Điện Hạ thế (sau trạm biến áp): Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất cho nông dân vay vốn từ các ngân hàng thương mại để xây dựng hệ thống điện Hạ thế (sau trạm biến áp) phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

- Việc bố trí vốn cho dự án, giải ngân và quyết toán dự án theo quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại

Các doanh nghiệp tham gia chương trình cánh đồng lớn được hỗ trợ các nội dung sau:

1. Được ưu tiên tham gia thực hiện các hợp đồng xuất khẩu nông sản, chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

2. Được hỗ trợ theo Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh, mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường;

- Hỗ trợ 100% chi phí quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các sản phẩm hàng hóa của dự án cánh đồng lớn;

- Hỗ trợ 50% chi phí thuê chuyên gia, tư vấn để hỗ trợ phát triển sản phẩm xuất khẩu gồm các chi phí thù lao, ăn, ở, đi lại của chuyên gia trong và ngoài nước, tài liệu, biên dịch, phiên dịch nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và được hỗ trợ 01 lần/năm.

- Được ưu tiên hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm:

+ Hội chợ, triển lãm trong nước: Mức hỗ trợ bằng 70% chi phí thuê gian hàng. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 lần/năm.

+ Hội chợ, triển lãm nước ngoài: Mức hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho một doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ 01 lần/năm.

- Được ưu tiên tham gia hội nghị giao thương, tham gia các đoàn xúc tiến thương mại, điều tra, khảo sát thị trường.

Điều 8. Chính sách tín dụng ưu đãi

Các doanh nghiệp tham gia dự án cánh đồng lớn được vay vốn ưu đãi của các ngân hàng thương mại.

1. Lãi suất và hình thức cho vay

- Áp dụng lãi suất ưu đãi theo từng thời kỳ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đối với những mô hình liên kết theo chuỗi giá trị khép kín từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ có thời gian vay trên 12 tháng (nhưng không quá 18 tháng), mỗi khâu (sản xuất, chế biến, tiêu thụ) đều dưới 12 tháng và khách hàng cam kết trả một phần nợ sau mỗi khâu của chuỗi thì ngân hàng thương mại xem xét áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng.

Cho vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn cho các chi phí về sản xuất nông nghiệp (giống, phân bón, vật tư nông nghiệp,...) và cho vay trung hạn, dài hạn để đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ cho các mô hình liên kết trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

2. Mức cho vay

Mức cho vay do ngân hàng thương mại và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu vay vốn của dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhưng tối đa bằng 70% giá trị của dự án vay vốn phục vụ cho các mô hình liên kết trong

chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

3. Thời gian thực hiện cho vay

Thời gian thực hiện cho vay thí điểm là 02 năm, kể từ ngày Quyết định số 1050/QĐ-NHNN ngày 28/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực. Những dự án được chấp thuận cho vay thí điểm nhưng có thời hạn vay vượt quá thời gian thí điểm thì vẫn được tiếp tục thực hiện các nội dung đã ký kết với ngân hàng thương mại cho đến khi thanh lý hợp đồng tín dụng.

4. Sau thời gian thực hiện cho vay thí điểm sẽ thực hiện chính sách tín dụng mới theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp

- Mức vay tối đa để mua các loại máy, thiết bị quy định (danh mục kèm theo) bằng 100% giá trị hàng hóa;

- Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong 2 năm đầu, 50% trong năm thứ ba để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); mức vay tối đa bằng 70% giá trị của dự án.

Điều 10. Chính sách khoa học công nghệ

Các doanh nghiệp tham gia dự án cánh đồng lớn được hưởng chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tra cứu thông tin, viết bản mô tả sáng chế hoặc giải pháp hữu ích nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn Quốc gia sáng chế hoặc giải pháp hữu ích theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nghiên cứu thiết kế kiểu dáng công nghiệp nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia kiểu dáng công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với các kiểu dáng có nhiều phương án thì mức hỗ trợ tối đa là 02

phương án.

- Hỗ trợ 100% giá trị đăng ký nhãn hiệu trong nước nhưng không quá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng)/đối tượng sở hữu công nghiệp, gồm:

+ Tư vấn nghiên cứu thiết kế.

+ Lệ phí nộp đơn quốc gia cho mỗi nhãn hiệu hàng hóa đăng ký cho một sản phẩm.

+ Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 03 nhãn hiệu hàng hóa, mỗi nhãn hiệu cho một sản phẩm (hoặc tối đa nhãn hiệu hàng hóa cho 05 nhóm sản phẩm).

- Hỗ trợ 100% giá trị đăng ký nhãn hiệu ngoài nước nhưng không quá 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) cho 01 nhãn hiệu tại một quốc gia. Trong trường hợp nhãn hiệu đăng ký theo hệ thống cộng đồng (một đơn đăng ký nhiều quốc gia) chỉ hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng)/đầu đơn.

- Hỗ trợ nghiên cứu, tạo lập, quản lý và phát triển đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương: Mức kinh phí hỗ trợ dựa trên kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học và Công nghệ.

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng doanh nghiệp xây dựng 01 website nhưng không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Điều 11. Điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ

1. Doanh nghiệp phải có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với các doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân trong dự án cánh đồng lớn.

2. Có dự án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định từ Điều 6 đến Điều 10 của Quy định này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Mục 2

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN

Điều 12. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn

1. Ưu đãi về đất đai

Các tổ chức đại diện của nông dân được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê để thực hiện xây dựng cơ sở

sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

2. Hỗ trợ tập huấn

a) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo mức quy định hiện hành.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan.

3. Hỗ trợ dịch vụ bảo vệ thực vật

Hỗ trợ tối đa 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

4. Các tổ chức đại diện của nông dân ngoài được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ trên còn được hưởng các chính sách tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Quy định này.

Điều 13. Một số chính sách hỗ trợ khác

1. Chi hỗ trợ thành lập mới cho Hợp tác xã tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Hỗ trợ sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và các chính sách do UBND tỉnh ban hành.

3. Ưu tiên thực hiện các chính sách khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của tỉnh.

+ Mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp: Ở địa bàn khó khăn, được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất); ở địa bàn miền núi được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu; ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.

+ Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề

nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: Ở địa bàn khó khăn được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng)/mô hình, ở địa bàn miền núi hỗ trợ tối đa 75% chi phí, nhưng không quá 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng)/mô hình; ở địa bàn đồng bằng hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75.000.000 đồng (bảy mươi năm triệu đồng)/mô hình.

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/mô hình.

+ Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/mô hình.

4. Được vay vốn theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 14. Điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ

1. Có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn.

2. Có Dự án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định từ Điều 12 đến Điều 13 của Quy định này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Mục 3

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NÔNG DÂN

Điều 15. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn

1. Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn.

2. Được hỗ trợ một lần tối đa 30% chi phí mua giống cây trồng trong dự án cánh đồng lớn.

3. Được hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân, thời hạn tối đa là 3 tháng trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản.

Điều 16. Chính sách ưu đãi tín dụng và giảm tổn thất trong nông nghiệp

Được hưởng chính sách theo Điều 8 và Điều 9 của Quy định này.

Điều 17. Một số chính sách hỗ trợ khác

1. Được hỗ trợ 30% kinh phí vật tư xây dựng mới hệ thống tưới nước tiết kiệm (01 lần).

2. Được vay vốn theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 18. Điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ

Hộ nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng đã ký được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án cánh đồng lớn theo nội dung được phê duyệt.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án cánh đồng lớn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai, các ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, hướng dẫn chi tiết để thực hiện quyết định này.

- Căn cứ nội dung và phân kỳ đầu tư của dự án được duyệt và các dự án phát sinh hàng năm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xây dựng kế hoạch kinh phí, thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bộ thủ tục hành chính thực hiện Quy định này.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

1. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Đảm bảo nguồn kinh phí theo dự toán đăng ký kế hoạch kinh phí thực hiện dự án cánh đồng lớn hàng năm.

- Hướng dẫn các sở ngành, địa phương, doanh nghiệp tham gia dự án cánh đồng lớn về lập kế hoạch, thẩm định, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

2. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chương trình xúc thương mại hàng năm trong đó có hoạt động tiêu thụ nông sản.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn.

4. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh

Tham gia phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền, hướng dẫn tư vấn pháp luật và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của nông dân trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

5. Ngân hàng nhà nước tỉnh

Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trong hệ thống Ngân hàng nhà nước, Quỹ Đầu tư phát triển hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân, nông dân tham gia thực hiện cánh đồng lớn được vay vốn hỗ trợ lãi suất theo quy định hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án cánh đồng lớn trên địa bàn.

2. Căn cứ các dự án cánh đồng lớn được UBND tỉnh phê duyệt, xây dựng kế hoạch kinh phí cụ thể hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Hướng dẫn thành lập tổ chức đại diện của nông dân tham gia thực hiện dự án cánh đồng lớn tại địa phương.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân xây dựng và triển khai thực hiện dự án cánh đồng lớn tại địa phương.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Các bên tham gia liên kết vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý theo nội dung, điều khoản thỏa thuận về xử lý vi phạm hợp đồng được thể hiện trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thuộc dự án cánh đồng lớn.

2. Doanh nghiệp, hộ nông dân, tổ chức đại diện của nông dân đã nhận hỗ trợ theo quy định nhưng vi phạm hợp đồng liên kết đã ký với đối tác mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi các khoản hỗ trợ trong năm vi phạm và không được xét hỗ trợ ở năm tiếp theo.

Điều 24. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

